**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN L**
**TỈNH Y**
Số:57/2023/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*L, ngày 12 tháng 6 năm 2023*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa:

Chị **Đặng Thị M** 33 tuổi
Địa chỉ: Thôn B- xã Tr- huyện L- tỉnh Y.
Anh **Nông Thanh N** 38 tuổi
Địa chỉ: Thôn B- xã Tr- huyện L- tỉnh Y.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M
Bị đơn: Anh Nông Thanh N

**2- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Nông Thanh N nhất trí thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh Nông Thanh N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai cháu là Nông Thanh Th sinh ngày 06-7-2011 và Nông Thuyên Th1 sinh

ngày 23-12-2013; chị Đặng Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/1 cháu kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị M rút yêu cầu, xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện do đó đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn.

- Về án phí: Chị Đặng Thị M nhận chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000 đồng; xác nhận đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0003499 ngày 27-3-2023.

Trả lại cho chị Đặng Thị M số tiền 1.962.500 đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0003499 ngày 27-3-2023.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

**THẨM PHÁN**

*Nơi nhận*
- TAND tỉnh;
- VKSND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, tập QĐ.

**Phan Duy Đô**